

sót trên và đề nghị các cơ quan đính chính giúp để thực hiện./.

TL. BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

*Chánh Văn phòng*

**Đinh Văn Nhã**

(\*) Đã in trong Công báo số 214 + 215 ngày 16/12/2003 trang 13057.

**QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Tài chính số 36/2004/QĐ-BTC ngày 15/4/2004 về việc ban hành Danh mục hàng hóa và thuế suất thuế nhập khẩu để áp dụng hạn ngạch thuế quan.**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

*Căn cứ Nghị quyết số 399/2003/NQ-UBTVQH11 ngày 19/6/2003 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XI về việc sửa đổi, bổ sung Biểu thuế theo Danh mục nhóm hàng chịu thuế nhập khẩu;*

*Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05/11/2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;*

*Căn cứ nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 01/7/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;*

*Căn cứ Điều 1 Nghị định số 94/1998/NĐ-CP ngày 17/11/1998 của Chính phủ*

*quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 04/1998/QH10 ngày 20/5/1998;*

*Căn cứ Quyết định số 91/2003/QĐ-TTg ngày 09/5/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng hạn ngạch thuế quan đối với hàng nhập khẩu tại Việt Nam;*

*Sau khi trao đổi với Bộ Công nghiệp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Thương mại;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách thuế;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục hàng hóa và thuế suất để áp dụng hạn ngạch thuế quan đối với hàng nhập khẩu.

**Điều 2.** Hàng hóa nhập khẩu trong số lượng hạn ngạch áp dụng thuế suất thuế nhập khẩu quy định tại Biểu thuế thuế nhập khẩu ưu đãi hiện hành. Hàng hóa nhập khẩu ngoài số lượng hạn ngạch áp dụng thuế suất thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch quy định tại Điều 1 của Quyết định này. Mức hạn ngạch thực hiện theo quy định của Bộ Thương mại.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

*Thứ trưởng*

**Trương Chí Trung**

# DANH MỤC HÀNG HÓA VÀ THUẾ SUẤT THUẾ NHẬP KHẨU ĐỂ ÁP DỤNG HẠN NGẠCH THUẾ QUAN

(ban hành kèm theo Quyết định số 36/2004/QĐ-BTC ngày 15/4/2004  
của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

Mã hàng			Mô tả hàng hóa	Thuế suất ngoài hạn ngạch (%)
<b>0401</b>			<b>Sữa và kem, chưa cô đặc, chưa pha thêm đường hoặc chất ngọt khác</b>	
0401	10	00	- Có hàm lượng chất béo không quá 1% tính theo trọng lượng	30
0401	20	00	- Có hàm lượng chất béo trên 1% đến 6% tính theo trọng lượng	30
0401	30	00	- Có hàm lượng chất béo trên 6% tính theo trọng lượng	30
<b>0402</b>			<b>Sữa và kem, cô đặc hoặc đã pha thêm đường hoặc chất ngọt khác</b>	
0402	10		- Dạng bột, hạt hoặc các thể rắn khác có hàm lượng chất béo không quá 1,5% tính theo trọng lượng: -- Thích hợp dùng làm thức ăn cho người:	
0402	10	11	--- Chưa pha thêm đường hoặc chất ngọt khác, dạng bột	20
0402	10	12	--- Chưa pha thêm đường hoặc chất ngọt khác, dạng khác	25
0402	10	13	--- Loại khác, dạng bột	40
0402	10	19	--- Loại khác, dạng khác	40
			-- Loại khác:	
0402	10	21	--- Chưa pha thêm đường hoặc chất ngọt khác, dạng bột	20
0402	10	22	--- Chưa pha thêm đường hoặc chất ngọt khác, dạng khác	25
0402	10	23	--- Loại khác, dạng bột	40
0402	10	29	--- Loại khác, dạng khác	40
			- Dạng bột, hạt hoặc các thể rắn khác có hàm lượng chất béo trên 1,5% tính theo trọng lượng: -- Chưa pha thêm đường hoặc chất ngọt khác:	
0402	21	10	--- Dạng bột	25
0402	21	90	--- Dạng khác	25
			-- Loại khác:	
0402	29	10	--- Dạng bột	40
0402	29	90	--- Dạng khác	40

			- Loại khác:	
0402	91	00	-- Chưa pha thêm đường hoặc chất ngọt khác:	25
0402	99	00	-- Loại khác	40
<b>0407</b>			<b>Trứng chim và trứng gia cầm nguyên vỏ, tươi, đã bảo quản hoặc làm chín</b>	
			- Loại khác:	
0407	00	91	-- Trứng gà	80
0407	00	92	-- Trứng vịt	80
0407	00	99	-- Loại khác:	80
<b>1005</b>			<b>Ngô</b>	
1005	90		- Loại khác:	
1005	90	90	-- Loại khác	10

## BỘ THỦY SẢN

### **CHỈ THỊ của Bộ trưởng Bộ Thủy sản số 03/2004/CT-BTS ngày 12/4/2004 về việc tăng cường công tác quốc phòng năm 2004.**

Thực hiện Chỉ thị số 20/2000/CT-TTg ngày 06/10/2000 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường chỉ đạo, tổ chức thực hiện Nghị định số 19/CP ngày 12/3/1994 của Chính phủ về công tác quốc phòng trong tình hình mới, trong những năm qua, các đơn vị thuộc ngành Thủy sản đã có nhiều cố gắng thực hiện nhiệm vụ công tác quốc phòng, gắn phát triển kinh tế - xã hội với an ninh quốc phòng, nhất là hoạt động khai thác hải sản trên biển. Công tác tổ chức và xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên, được các cấp lãnh đạo từ Bộ tới các đơn vị cơ sở quán triệt thực hiện. Đã tổ chức 2 hải đoàn tự vệ biển và 2 tiểu đoàn vận tải biển với những phương tiện tốt

nhất hiện có, bảo đảm yêu cầu, chỉ tiêu biên chế của quân đội và báo cáo việc thực hiện nhiệm vụ công tác quốc phòng hàng năm theo quy định.... Những hoạt động đó đã góp phần giữ vững và ổn định chính trị, tạo môi trường thuận lợi cho sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước. Tuy nhiên, việc quán triệt, chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác quốc phòng ở một số đơn vị cơ sở vẫn còn một số hạn chế: Nhận thức của một số cán bộ, đảng viên về nhiệm vụ quốc phòng, về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội, gắn với củng cố quốc phòng an ninh chưa đầy đủ và sâu sắc; ý thức cảnh giác trước những âm mưu của các thế lực thù địch chưa cao; chỉ đạo thực hiện công tác quốc phòng chưa đồng bộ, thiếu cụ thể.

Năm 2004 yêu cầu đối với ngành Thủy sản vẫn phải duy trì tốc độ tăng trưởng nhanh, bảo đảm phát triển ổn định bền vững theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa. Ngành phải tiếp tục đối phó với những khó khăn thách thức mới. Đặc biệt là vấn đề an ninh trên biển, vấn đề